

**Điều 2.** Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhựa Việt Nam có trách nhiệm nộp lại con dấu của Tổng công ty theo quy định tại Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ và thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Nhựa Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

**HOÀNG TRUNG HẢI**

## **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

### **QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải số 1891/2003/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường sắt Việt Nam.**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04*

*tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

##### **Điều 1. Vị trí và chức năng:**

Cục Đường sắt Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt trong phạm vi cả nước.

Cục Đường sắt Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: Vietnam Railway Administration, viết tắt là VNRA.

##### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn:**

1. Xây dựng trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án quốc gia, các đề án về phát triển giao thông vận tải đường sắt trong phạm vi cả nước.

2. Tham gia xây dựng các dự án luật, pháp lệnh về đường sắt; chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật khác về lĩnh vực đường sắt theo phân công của Bộ trưởng.

3. Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật, các chế độ chính sách và quy chế quản lý chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt.

4. Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành sau khi được phê duyệt, ban hành.

096886888

5. Chủ trì hoặc phối hợp trong việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông vận tải đường sắt.

6. Về kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt:

a) Quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt theo phân cấp của Bộ trưởng;

b) Tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, phê duyệt tổng dự toán, dự toán các công trình sửa chữa lớn kết cấu hạ tầng đường sắt bằng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trình;

c) Thực hiện việc cấp phép đóng, mở các tuyến đường sắt chuyên dùng, các ga, đường ngang cấp 1, cấp 2 trên các tuyến đường sắt quốc gia theo phân cấp của Bộ trưởng;

d) Thẩm định để Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch sửa chữa, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt bằng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trình; giao kế hoạch sửa chữa, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo ủy quyền của Bộ trưởng;

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

e) Tham gia thẩm duyệt báo cáo quyết toán vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

f) Theo dõi và phối hợp chỉ đạo công tác phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai của ngành đường sắt.

7. Về phương diện vận tải đường sắt và phương tiện thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng của đường sắt:

a) Tổ chức thực hiện đăng ký, cấp biển số các phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện và thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong

ngành đường sắt theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam trong việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật đầu máy, toa xe, ô tô ray, các phương tiện vận tải khác và các thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong ngành đường sắt.

8. Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành các quy định về:

a) Điều kiện, năng lực, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ phải được đào tạo sát hạch đối với người điều khiển phương tiện và người vận hành phương tiện, thiết bị chuyên dùng trong ngành đường sắt;

b) Quản lý việc đào tạo, cấp bằng, giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ cho người điều khiển phương tiện giao thông và người vận hành phương tiện thiết bị chuyên dùng trong ngành đường sắt;

c) Điều kiện, tiêu chuẩn thành lập, hoạt động của các cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch người điều khiển phương tiện giao thông và người vận hành phương tiện, thiết bị chuyên dùng trong ngành đường sắt;

d) Điều kiện, tiêu chuẩn của người đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép cho người điều khiển phương tiện giao thông vận tải đường sắt.

9. Về hoạt động vận tải đường sắt:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành các cơ chế, chính sách phát triển vận tải và các dịch vụ liên quan đến vận tải đường sắt;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng công bố các tuyến và mạng vận tải đường sắt công cộng; các thể lệ, quy định, tiêu chuẩn, quy trình khai thác vận tải đường sắt;

c) Phê duyệt biểu đồ chạy tàu khách hàng năm của ngành đường sắt;

d) Tham gia xây dựng các quy định về vận tải đơn phương thức và đa phương thức nhằm đáp ứng

nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách giữa các vùng, miền và vận tải đối ngoại.

10. Tham gia xây dựng khung giá cước hoặc cước vận tải, xếp dỡ, các dịch vụ vận tải đường sắt được hoạt động độc quyền và những dịch vụ mà Nhà nước trợ giá hoặc giao cho doanh nghiệp thực hiện.

11. Tham mưu cho Bộ trưởng trong việc phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan bảo vệ công trình giao thông đường sắt và bảo đảm an toàn giao thông vận tải đường sắt; hướng dẫn, kiểm tra việc phối hợp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam với chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo vệ công trình giao thông đường sắt và bảo đảm an toàn giao thông vận tải đường sắt; chỉ đạo công tác thanh tra giao thông trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

12. Xây dựng trình Bộ trưởng kế hoạch hợp tác quốc tế về đường sắt; tham gia xây dựng, đàm phán để ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế và các tổ chức quốc tế về đường sắt theo phân công của Bộ trưởng; tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế theo phân cấp quản lý.

13. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt thuộc nguồn vốn ngân sách.

14. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Nhà nước và của Bộ Giao thông vận tải.

15. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật về giao thông vận tải đường sắt theo thẩm quyền của Cục.

16. Xây dựng, trình Bộ trưởng quyết định cơ cấu tổ chức, cơ cấu công chức và biên chế của Cục; quản lý tổ chức bộ máy, sử dụng biên chế

được duyệt theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Cục.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức:**

1. Tổ chức giúp Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

- a) Phòng Kế hoạch - tài chính;
- b) Phòng Cơ sở hạ tầng;
- c) Phòng Vận tải - pháp chế;
- d) Phòng Thanh tra giao thông;
- d) Văn phòng.

2. Cục trưởng và các Phó Cục trưởng:

a) Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt.

b) Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm với thời hạn 5 năm.

c) Các Phó Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng với thời hạn 5 năm.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành:**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành:**

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, các Vụ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải (Sở Giao thông công chính) và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Giao thông  
vận tải

**ĐÀO ĐÌNH BÌNH**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải số 1943/2003/QĐ-BGTVT ngày 04/7/2003 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác đảm bảo an toàn giao thông đoạn Lạng Sơn - Hà Nội Quốc lộ 1 mới.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29/6/2001;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;*

*Để quản lý, khai thác có hiệu quả, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình đoạn Hà Nội - Lạng Sơn Quốc lộ 1 mới;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác đảm bảo an toàn giao thông đoạn Lạng Sơn - Hà Nội Quốc lộ 1 mới”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày, đăng Công báo.

**Điều 3.** Các Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, các Giám đốc Sở Giao thông công chính thành phố Hà Nội, Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh, Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang, Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông  
vận tải  
*Thủ trưởng*

**NGÔ THỊNH ĐỨC**

**QUY CHẾ quản lý, sử dụng, khai thác đảm bảo an toàn giao thông đoạn Lạng Sơn - Hà Nội Quốc lộ 1 mới**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 1943/2003/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 7 năm 2003).*

*Chương I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy chế này quy định việc quản lý, sử